

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+bk16+BK14 ↗ P8+CTK3+PBDA	7:25	17+1+0	0+0+0		16+2+2	0+0+0	Chuyến 1 BK16-BK14
2			7:25	11+4+7	0+0+0		4+6+0	0+0+0	
3		PBDA+P9+P7 ↗ BK4+PBDA+GTC1	9:25	17+0+0	0+0+0		10+10+2	0+0+0	Chuyến 7 P9-P7
4			9:25	1+15+2	0+0+0		2+13+0	0+0+0	Chuyến 1 BK4-PBDA
5		TTCL+P6+P5	11:25	6+11+4	0+0+0		0+4+1	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người CTK3 về bờ đợt 1, chuyển tải GTC1 đợt 2



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 27/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: SAVR - BK16 - BK14	CREW: LINH - NPHÚ - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/3937	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HỮU DŨNG	SAVR	75-76	2	9	2	30	68	MINH MINH	Vietnamese
2	BÙI ANH TÚ	SAVR	83	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HIẾU	SAVR	88	1	15			85	KHOAN	Vietnamese
4	KIZIN DMITRII	SAVR	73-74	2	6			100	AMHGP	Russian
5	BUSTAEV FARKHAT	SAVR	81-82	2	15			88	AMHGP	Russian
6	IURIN VLADIMIR	SAVR	300	1	12	1	47	78	AMHGP	Russian
7	THÁI VĂN QUỲ	SAVR	86-87	2	18			78	DMC-MI	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN BÁCH	SAVR	77	1	18			62	DMC-MI	Vietnamese
9	HOÀNG TRUNG KIÊN	SAVR	84-85	2	15			69	PVD-BH	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO TRUNG	SAVR	80	1	9			64	PVD LOGGING	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC ĐẠT	SAVR	78-79	2	19			69	PVD LOGGING	Vietnamese
12	NOSULETSKII ANTON	SAVR	70-71	2	17			80	AMHGP	Russian
13	GOLOVIN KONSTANTIN	SAVR	600	1	13			115	AMHGP	Russian
14	PODGOROV IVAN	SAVR	67	1	5			89	AMHGP	Russian
15	TERESHONOK MAXIM	SAVR	65-66	2	14			83	AMHGP	Russian
16	LEBED DMITRII	SAVR	68-69	2	18			70	AMHGP	Russian
17	GORCHAKOV EVGENII	SAVR	72	1	11			93	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.364	26	225	3	77	16+1=17		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	0+1		CHUYEN 1 PAX BK16-BK14
3	BK14	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.364	26	225	3	77	18		
WEIGHT KG			1.364		225		77			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ THÚ HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 27/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P8 - CTK3 - PBDA	CREW: HUNG - N.ANH - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/3940	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HOÀNG LINH	P8	26	1	10			62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHÁ	P8	23-24	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ VĂN DUẤN	P8	25	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P8	17	1	14	1	9	55	XAYLAP	Vietnamese
5	LÂM QUANG QUY	P8	27	1	17	1	9	76	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	P8	29-30	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HÙNG	P8	16	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	P8	20	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC DUY	P8	22	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN VIỆT	P8	19	1	11			53	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ANH ĐỨC	P8	21	1	6			86	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CÔNG AN	CTK3	92	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	CTK3	93	1	3			65	HVJOC	Vietnamese
14	CAO VĂN THẮNG	CTK3	91	1	6			76	WOGC	Vietnamese
15	ĐÌNH HỒNG THẮNG	CTK3						65	D-HANH	Vietnamese
16	LÊ THANH TÙNG	PBDA	98	1	6			85	MINH MINH	Vietnamese
17	NGÔ VĂN PHÚ	PBDA	97	1	10			65	MINH MINH	Vietnamese
18	SHOKHIN IGOR	PBDA	01	1	11			106	AMHGP	Russian
19	TIKHONOV DMITRII	PBDA	95	1	17	1	8	93	AMHGP	Russian
20	ZHESTKOV IGOR	PBDA	99	1	14			118	AMHGP	Russian
21	ABRAMKIN VITALII	PBDA	500	1	12			96	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	11	746	13	148	2	18	4		NB VỀ: NGUYỄN TRÍ TÍN
2	CTK3	4	273	3	15	0	0	6		
3	PBDA	6	563	6	70	1	8	10		
TOTAL		21	1.582	22	233	3	26	20		
WEIGHT KG			1.582		233		26			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 27/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: PBDA - P9 - P7	CREW: LINH - NPHÚ - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/3938	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KOROBKA DMITRY	PBDA	64	1	9			90	AMHGP	Russian
2	SIVACHUK DMITRII	PBDA	78-79	2	14			112	AMHGP	Russian
3	GRIGOREV ALEKSANDR	PBDA	84	1	12			68	AMHGP	Russian
4	DIUZHAEV VLADIMIR	PBDA	80-81	2	6			75	AMHGP	Russian
5	KAIROV SAGIT	PBDA	82-83	2	11			73	AMHGP	Russian
6	BURAVOV VALERII	PBDA	72-73	2	13			76	AMHGP	Russian
7	BOIKO ANATOLII	PBDA	77	1	4			76	AMHGP	Russian
8	TRẦN HỒNG QUÂN	PBDA	85-86	2	13			75	AMHGP	Vietnamese
9	LƯU CÔNG ĐÌNH	PBDA	69	1	10			63	AMHGP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÂN	PBDA	70-71	2	17			65	AMHGP	Vietnamese
11	LE VĂN HUÂN	PBDA	67-68	2	18			66	AMHGP	Vietnamese
12	TRƯƠNG VIỆT HẠNH	PBDA	87-88	2	20			67	AMHGP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC QUÝ	PBDA	66	1	8	1	15	64	AMHGP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐOÀN	PBDA	76	1	20			75	AMHGP	Vietnamese
15	NIKULIN DENIS	PBDA	470-471	2	14			131	AMHGP	Russian
16	NGUYỄN ANH TUÂN	PBDA	74	1	11			70	AMHGP	Vietnamese
17	TÔ THANH PHONG	PBDA				1	24	63	AMHGP	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HIỀN	PBDA	89	1	13	1	12	78	AMHGP	Vietnamese
19	LÊ XUÂN ĐAM	P7						64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	18	1.387	26	213	3	51	4		
2	P9	0	0	0	0	0	0	10	7	CHUYÊN 7 PAX P9-P7
3	P7	1	64	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.451	26	213	3	51	16		
WEIGHT KG			1.451		213		51			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGO VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 27/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 14:15
B.CARD: CAM-4	TO: BK4 - PBDA - GTC1	CREW: TTRUNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 16:50
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/3941		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	BK4	82	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
2	KHANIPOV ILVIR	PBDA	87-88	2	16			96	AMHGP	Russian
3	KAPRIZOV ALEKSEI	PBDA	69	1	10			107	AMHGP	Russian
4	MIROSHNICHENKO IVAN	PBDA	86	1	5			99	AMHGP	Russian
5	BÙI VĂN DŨNG	PBDA	75	1	9			63	AMHGP	Vietnamese
6	SALMIN VITALII	PBDA	92	1	13			95	AMHGP	Russian
7	KADATOV MIKHAIL	PBDA	83-84	2	13			82	AMHGP	Russian
8	IBRAGIMOV KAMIL	PBDA	93-94	2	14			78	AMHGP	Russian
9	GUBA MAKSIM	PBDA	90-91	2	20			85	AMHGP	Russian
10	GAN SERGEI	PBDA	77-78	2	16			89	AMHGP	Russian
11	IAMALOV ISKANDER	PBDA	79	1	10			77	AMHGP	Russian
12	FEDOROV DMITRII	PBDA	80	1	9			95	AMHGP	Russian
13	RAZINKOV SERGEI	PBDA	72-73	2	17			90	AMHGP	Russian
14	KULIKOV ANTON	PBDA	74,76	2	18			88	AMHGP	Russian
15	AMELIN ALEKSEI	PBDA	81-82	2	14			104	AMHGP	Russian
16	ELAGIN ANDREI	PBDA	89	1	9			108	AMHGP	Russian
17	PHẠM THANH HẢI	GTC1	14	1	15	2	16	60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN CƯỜNG	GTC1	16	1	15			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	1	73	1	10	0	0	2+	1	CHUYỂN 1 PAX BK4-PBDA
2	PBDA	15	1.356	23	193	0	0	9		
3	GTC1	2	125	2	30	2	16	0		
TOTAL		18	1.554	26	233	2	16	11		
WEIGHT KG			1.554		233		16			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 27/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: TTC1 - P6 - P5	CREW: TTRUNG - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/3939		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	TTC1	90	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN MẠNH	TTC1	88	1	14			61	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MẠNH CƯỜNG	TTC1	89	1	6			85	ANTOAN	Vietnamese
4	TRẦN DUY THÔNG	TTC1	91	1	6			77	ANTOAN	Vietnamese
5	PHẠM THẾ QUANG	TTC1	92	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN AN NINH	TTC1	93	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN BÀO	P6	23	1	8			65	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY THÔNG	P6	27-28	2	11	2	14	53	QUYẾT THẮNG	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA HIỂU	P6	49	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THƯƠNG	P6	25-26	2	22			68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHÚ	P6	53	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
12	HÒA QUANG THẮNG	P6	51-52	2	14			66	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN LAM	P6	86-87	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
14	NGÔ THÀNH NAM	P6	24	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P6	29-30	2	18			80	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HUY	P6	50	1	7	1	11	68	XAYLAP	Vietnamese
17	VÕ TIẾN PHÁT	P6	47-48	2	23			76	XAYLAP	Vietnamese
18	VÕ ĐÌNH HÙNG	P5	99,900	2	20			64	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU MẠNH	P5	97	1	7			74	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG THO	P5	67	1	10			60	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THÀNH	P5	98	1	9	4	50	59	BIỂN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	6	447	6	57	0	0	0		
2	P6	11	763	17	156	3	25	4		
3	P5	4	257	5	46	4	50	1		
TOTAL		21	1.467	28	259	7	75	5		
WEIGHT KG			1.467		259		75			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN THÀNH TRUNG
PHAN NHƯ CƯỜNG

